

Số: 272/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 19 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 220/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn P**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: **Số A Đ, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Chị **Lê Thị Minh T**, sinh năm: 1989; Địa chỉ: **Số A Đ, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T nên là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét việc thuận tình ly hôn của anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/4/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** có 03 con chung: Cháu **Lê Gia B**, sinh ngày 04/6/2014; cháu **Lê Gia Bảo H**, sinh ngày 01/01/2017 và cháu **Lê Gia Phước N**, sinh ngày 26/11/2019. Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** đã thoả thuận giao cả ba cháu **Lê Gia B**, cháu **Lê Gia B H** và

cháu **Lê Gia Phước N** cho bà **Lê Thị Minh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **Lê Văn P** không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả ba cháu **Lê Gia B**, sinh ngày 04/6/2014; cháu **Lê Gia Bảo H**, sinh ngày 01/01/2017 và cháu **Lê Gia Phước N**, sinh ngày 26/11/2019 cho chị **Lê Thị Minh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh **Lê Văn P** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không ai có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn: Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm; mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** đã nộp theo biên lai số 0003336 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh **Lê Văn P** và chị **Lê Thị Minh T** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân

sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh TT.Huế;
- VKSND Thành phố Huế;
- Chi cục THADS Thành phố Huế;
- UBND p. Thủy Biều, Tp Huế, tỉnh TT Huế, đăng ký kết hôn số:105/2011, ngày 29/12/2011;
- Các đương sự;
- Lưu: dán; hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hồ Vinh Phú